TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM TÂN** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST
Ngày : 23-9-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Trọng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thanh Tú;

2. Bà Vũ Thị Nữ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Vĩnh Nguyên-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Liên-Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 123/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Trúc L, sinh năm: 1992 (vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn 4, xã TP, huyện HT, tỉnh BT.

2. *Bị đơn*: Ông Lê Văn T, sinh năm 1991 (vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn 4, xã TP, huyện HT, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/6/2022, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Trúc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Trúc L và ông Lê Văn T tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 2012, nhưng đến ngày 13/6/2016 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tân Phúc, huyện Hàm Tân. Quá trình sống chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, các bên yêu thương nhau và thực hiện đúng nghĩa vụ vợ chồng. Đến năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do ông T không lo làm ăn, thường xuyên nhậu say xỉn và cờ bạc; ông T không quan tâm đến gia đình và chia sẻ công việc cùng bà. Từ năm 2019 thì bà và ông T sống ly thân cho đến nay. Sau khi ly thân, bà về nhà của mẹ ruột tại xã Tân Phúc sinh sống. Đến năm 2020, bà lên Bình Dương làm công dân. Trong thời gian ly thân, ông T tuy có liên lạc với bà nhưng không phải để hàn gắn tình cảm mà chửi bới, đe dọa, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà. Nay bà L cho rằng mình không còn tình cảm với ông T nữa nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Bà Trần Thị Trúc L và ông Lê Văn T có với nhau 01 con chung là Lê Trần Phi A, sinh ngày 23/4/2013. Từ lúc ly thân đến nay, Cháu A sống chung với ông T và do ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà có gửi tiền về để lo cho con ăn học. Khi ly hôn, vì điều kiện đi làm xa, bà đề nghị Tòa án giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Bà Trần Thị Trúc L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Lê Trần Phi A mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Trúc L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Văn T, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân đã tiến hành tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T theo địa chỉ mà ông T cư trú nhưng ông không có mặt tại nơi sinh sống. Tại Biên bản xác minh ngày 08/7/2022 xác định: Ông Lê Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn 4, xã TP, huyện HT(do bà Nguyễn Thị M là mẹ của ông T làm chủ hộ) và hiện đang sinh sống, làm việc tại địa phương. Do ông T làm nghề tự do nên thường xuyên vắng nhà vào ban ngày. Do vậy, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông T bằng phương thức niêm yết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nhưng bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên hòa giải đến lần thứ hai vẫn vắng mặt. Do vậy, Tòa án lập biên bản xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được và đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: trình tự, thủ tục giải quyết vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Trúc L. Cho bà Trần Thị Trúc L được ly hôn với ông Lê Văn T;

giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 01 triệu đồng; đồng thời tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Trần Thị Trúc L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn T; yêu cầu Tòa án giao con chung là Lê Trần Phi A, sinh ngày 23/4/2013 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà L đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng một triệu đồng. Tòa án xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng, do bị đơn có nơi cư trú tại Thôn 4, xã TP, huyện HTnên Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Khoản 1, Khoản 5 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Trúc L, bị đơn ông Lê Văn T đều vắng mặt. Xét thấy, bà L đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Lê Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Trúc L và ông Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện HTtheo Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 13/6/2016. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, bà L và ông T đủ điều kiện kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Trúc L về việc ly hôn với ông Lê Văn T, Hội đồng xét xử thấy: Bà L yêu cầu ly hôn với ông T vì cho rằng ông T không lo làm ăn, thường xuyên nhậu say xỉn và cờ bạc; ông T không quan tâm đến gia đình và chia sẻ công việc cùng bà. Từ năm 2019 thì bà và ông T sống ly thân cho đến nay. Sau khi ly thân, bà về nhà của mẹ ruột tại xã Tân Phúc sinh sống. Đến năm 2020, bà lên Bình Dương làm công dân. Trong thời gian ly thân, ông T tuy có liên lạc với bà nhưng không phải để hàn gắn tình cảm mà chửi bới, đe dọa, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà. Nay bà L cho rằng mình không còn tình cảm với ông T nữa. Quá trình giải quyết vụ án, ông T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai của ông T để làm rõ về mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng bà L, ông T được. Tuy nhiên, theo Biên bản xác minh ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, đủ cơ sở để khẳng định nguyên nhân bà L yêu cầu ly hôn vì từ khi tai giao thông thì ông T thường xuyên quậy phá trong gia đình, đập phá tài sản dẫn đến mâu thuẫn giữa bà L và ông T. Từ năm 2019 đến nay, vợ chồng bà L, ông T sống ly thân nên các bên không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng

quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông T vẫn biết bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông nhưng ông vẫn không tham gia tố tụng chứng tỏ ông không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Về con chung: Bà Trần Thị Trúc L và ông Lê Văn T có với nhau 01 con chung là Lê Trần Phi A, sinh ngày 23/4/2013. Quá trình giải quyết vụ án, do ông T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được nguyện vọng của Cháu A. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi không chỉ căn cứ vào nguyện vọng của con mà còn phải xem xét các điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của các bên để bảo đảm quyền lợi của con chung. Theo xác minh tại địa phương thì hiện nay con chung đang ở với ông T, do ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cho đi học, bà L cũng thừa nhận hiện bà đang làm công dân ở Bình Dương, không trực tiếp nuôi dưỡng con từ năm 2020 đến nay. Với điều kiện, hoàn cảnh của các đương sự như vậy, Hội đồng xét xử thấy việc giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn T vắng mặt, không có yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Tuy nhiên, bà L tự nguyện cấp dưỡng nuôi Cháu A mỗi tháng một triệu đồng. Xét ý kiến này của bà L là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, đạo đức xã hội và bảo đảm được quyền lợi của con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ chung khác về tài sản: Bà Trần Thị Trúc L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí: Bà Trần Thị Trúc L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, Khoản 5 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Trúc L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Trúc L được ly hôn với ông Lê Văn T;

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Trần Phi A, sinh ngày 23/4/2013 cho ông Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Trần Thị Trúc L có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của các con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của bà Trần Thị Trúc L. Bà L phải cấp dưỡng nuôi con chung Lê Trần Phi A mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), cho đến khi Cháu A thành niên và có khả năng lao động. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/9/2022).

Đối với phần quyết định về cấp dưỡng được thi hành ngay, mặc dù có thể bị cáo kháng, kháng nghị.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ chung khác về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà L đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010277 ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Tân. Bà Trần Thị Trúc L phải nộp thêm 300.000 đồng.

6. Án xử công khai sơ thẩm, bà Trần Thị Trúc L và ông Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Các đương sự;
- UBND xã TP, huyện HT, tỉnh BT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Trọng